

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 129/NQ-HĐND

Thành phố Lai Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của HĐND tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Sau khi xem xét Báo cáo số 5270/BC-UBND ngày 28/11/2024 của UBND thành phố Lai Châu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Tờ trình số 5271/TTr-UBND ngày 28/11/2024 của UBND thành phố dự thảo Nghị quyết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra số 266/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố và ý kiến thảo luận của Đại biểu HĐND thành phố Lai Châu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự kiến kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 với các nội dung sau:

1. Dự kiến tổng huy động vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030: 1.030.007 triệu đồng, trong đó

1. Nguồn vốn tỉnh quản lý: 684.000 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách Trung ương: 650.000 triệu đồng.

Lealpa

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 34.000 triệu đồng.

2. Nguồn vốn ngân sách thành phố quản lý: 346.007 triệu đồng

- Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: Kế hoạch vốn 116.000 triệu đồng.

- Nguồn thu sử dụng đất: Kế hoạch vốn 199.907 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: 30.100 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: kế hoạch vốn 16.700 triệu đồng.

+ Vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: kế hoạch vốn 13.400 triệu đồng.

2. Nguyên tắc, phương án phân bổ nguồn vốn trong cân đối ngân sách thành phố

2.1. Nguyên tắc phân bổ:

- Việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 phải đảm bảo phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư công và nhằm thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2026-2030 của ngành, lĩnh vực và địa phương; phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

- Việc xác định các dự án đầu tư phải tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Bố trí đủ vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia để đáp ứng mục tiêu của các chương trình.

- Mức vốn bố trí cho các dự án đảm bảo không vượt tổng mức đầu tư dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật trừ đi kế hoạch vốn đã được giao (bao gồm phần vốn còn lại thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đến nay chưa bố trí).

- Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình phải đảm bảo theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Dự án dự kiến đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa được bố trí đủ vốn;

leahg

+ Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030, dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2030;

+ Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới.

2.2. Phương án phân bổ

Dự kiến tổng huy động vốn đầu tư giai đoạn 2026-2030: **1.030.007** triệu đồng; trong đó phân bổ: 6 dự án chuyển tiếp hoàn thành giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch vốn **81.385** triệu đồng; 35 dự án khởi công mới kế hoạch vốn **898.100** triệu đồng; nguồn phân bổ sau là **50.522** triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Nguồn vốn tỉnh quản lý: 684.000 triệu đồng

+ Nguồn ngân sách Trung ương: dự kiến thực hiện 03 dự án khởi công mới, kế hoạch vốn 650.000 triệu đồng.

+ Nguồn cân đối ngân sách địa phương: dự kiến thực hiện 01 dự án khởi công mới, kế hoạch vốn 34.000 triệu đồng.

- Nguồn vốn thành phố quản lý: 346.007 triệu đồng

+ Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung: Kế hoạch vốn 116.000 triệu đồng.

04 dự án đã phê duyệt chủ trương giai đoạn 2021-2025 chuyển sang khởi công mới giai đoạn 2026-2030 là 31.100 triệu đồng.

06 dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030 là 84.900 triệu đồng.

+ Nguồn thu sử dụng đất: Kế hoạch vốn 199.907 triệu đồng (2 dự án chuyển tiếp kế hoạch vốn là 50.285 triệu đồng; 12 dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030 là 99.100 triệu đồng; Nguồn vốn dự kiến phân bổ sau là 50.522 triệu đồng).

+ Nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: kế hoạch vốn 30.100 triệu đồng, trong đó:

Vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: dự kiến thực hiện 07 dự án khởi công mới, kế hoạch vốn 16.700 triệu đồng.

Vốn ngân sách trung ương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: dự kiến thực hiện 06 dự án khởi công mới, kế hoạch vốn 13.400 triệu đồng.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân thành phố giao

1. Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục hoàn thiện kế hoạch theo quy định.

leahq

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố và Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Lai Châu khóa IV, kỳ họp thứ hai mươi một thông qua ngày 17/12/2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *Chức vụ*

- Thường trực HĐND, UBND Tỉnh;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT.

leahng
CHỦ TỊCH



Giảng Thị Xoa

BIỂU TỔNG HỢP NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Nghị quyết số: 129 /NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số lượng công trình			Dự kiến kế hoạch đầu công trung hạn giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
		Tổng	Chuyển tiếp	Khởi công mới	Tổng	chuyển tiếp	Khởi công mới	
	Tổng cộng	41	6	35	1.030.007	81.385	898.100	
I	Nguồn vốn tỉnh quản lý	4	0	4	684.000	0	684.000	
1	Nguồn ngân sách trung ương	3		3	650.000	0	650.000	
2	Ngân sách địa phương	1		1	34.000	0	34.000	
II	Nguồn vốn thành phố quản lý	24	6	18	315.907	81.385	184.000	
1	Ngân sách địa phương (Nguồn xây dựng cơ bản tập trung)	10	4	6	116.000	31.100	84.900	
2	Nguồn thu sử dụng đất	14	2	12	149.385	50.285	99.100	
3	Nguồn thu sử dụng đất (thực hiện phân bổ sau)				50.522			
III	Nguồn NSTW thực hiện các chương trình MTQG	13	0	13	30.100	0	30.100	
*	<i>Nguồn NSTW thực hiện chương trình MTQG xây dựng NTM</i>	7	0	7	16.700	0	16.700	
1	UBND xã Sùng Phái	5		5	8.200		8.200	
2	UBND xã San Thàng	2		2	8.500		8.500	
*	<i>Nguồn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	6	0	6	13.400	0	13.400	
3	UBND xã Sùng Phái	6		6	13.400		13.400	



leahay

Phụ lục số 01

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ)

(Kèm theo Nghị Quyết số: 129/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17
TỔNG SỐ (dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030)										
A NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU										
I HẠ TẦNG KỸ THUẬT										
1	Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố (giai đoạn 2)	TP.Lai Châu	- Xây dựng hệ thống đường ống thu gom và các phụ kiện kèm theo; đầu nối và chuyển hướng bằng các hố ga. - Đầu tư xây dựng thêm: Hồ sơ kỹ thuật; Đường ống kỹ thuật. Thiết bị: công nghệ SBR; ... công suất theo lưu lượng nước thải được thu gom và tính toán (khoảng 3.500m ³ /ngày, đêm).	2026-2030	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	
II GIAO THÔNG										
2	Dự án: Đường bao quanh chân núi nối từ cuối Đại Lộ Lê Lợi đến đường nối cao tốc (đoạn tiếp giáp với huyện Tam Đường	TP Lai Châu và Huyện Tam Đường	Tổng chiều dài tuyến khoảng 6,3km, đường đô thị cấp III; hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng, điện chiếu sáng, điện sinh hoạt, hệ thống an toàn giao thông đầu tư đồng bộ, gồm 02 đoạn: - Đoạn 1: Từ Đại Lộ Lê Lợi đến nút giao lý trình Km 1+500 chiều dài khoảng 1,5km, 04 làn xe, bề rộng nền đường 58m; - Đoạn 2: Từ nút giao lý trình Km 1+ 500 đến đường nối cao tốc (đoạn tiếp giáp huyện Tam Đường) chiều dài khoảng 4,8km; bề rộng đường 20,5m	2026-2030	390.000	390.000	390.000	390.000	390.000	
3	Đường nối từ trụ sở phường Đoàn Kết mới đến QL4D giáp bến xe khách cũ (theo quy hoạch)	TP Lai Châu	Chiều dài khoảng 1,6km, đường đô thị cấp III, bề rộng nền đường 20,5m; hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng, điện sinh hoạt; hệ thống an toàn giao thông đầu tư đồng bộ	2026-2030	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	
B NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢN LÝ										
					34.000	34.000	34.000	34.000	34.000	

Handwritten signature

TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
1	2	3	4	5	6	7	8	15	16	17	
I	GIAO THÔNG					34.000	34.000	34.000	34.000	-	
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường từ QL4D (bên xe khách cũ) tới ngã năm Cù Nhà Lạ và đến ngã 3 bản Trung Chải, xã Sùng Phái, thành phố Lai Châu.	TP.Lai Châu	Tổng chiều dài khoảng 3,7km, cấp IV, bề rộng nền đường 7,5m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát, công trình phòng hộ; điện chiếu sáng, hệ thống an toàn giao thông đầu tư đồng bộ	2026-2030		34.000	34.000	34.000	34.000		

Carby

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ QUẬN LÝ)

(Kèm theo Nghị Quyết số: **129** /NQ-HĐND ngày **17** tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Danhh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (dự kiến)	Dự kiến Tổng mức đầu tư			Đơn vị tính: Triệu đồng						Ghi chú		
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao		Lũy kế vốn thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn lại thuộc kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 chưa bố trí			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	
						Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP		Tổng số	Trong đó: NSDDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
TỔNG CỘNG																
I NGUỒN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (XDCBT)																
(1)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giai đoạn 2026-2030															
1	Nâng cấp, sửa chữa kênh từ đường tránh chợ San Thàng đến bản Thành Công	Xã San Thàng	Chiều dài tuyến kênh khoảng 510m; thiết kế sơ bộ kích thước BxH = 120x120 (cm), thành và đáy kênh dày 13cm, kết cấu BTCT.	2026-2030		4.000	4.000	3.500	3.500			3.500	3.500	4.000	4.000	
2	Nâng cấp tuyến kênh từ cầu Gia Khẩu II đến kênh Lũng Thàng, xã Sùng Phai	Xã Sùng Phai	Chiều dài tuyến kênh khoảng 800m, thiết kế sơ bộ: kích thước BxH = 250x280 (cm), thành và đáy kênh dày 20cm, kết cấu BTCT	2026-2030		11.500	11.500	10.500	10.500			10.500	10.500	11.500	11.500	
3	Nhà lớp học bộ môn trường Tiểu học - THCS Năm Lương	Xã Sùng Phai	nhà lớp học bộ môn 8 phòng; Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 627m ² , diện tích sân khoảng 1.160m ² và các hạng mục phụ trợ	2025-2030		9.000	9.000	7.000	7.000			7.000	7.000	9.000	9.000	
4	Nhà đa năng trường THCS Quyết Tiến	Phường Quyết Tiến	Nhà đa năng cấp III - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 636,5m ² ; diện tích sử dụng khoảng S = 617,8m ² và các hạng mục phụ trợ	2026-2030		6.600	6.600	4.800	4.800			4.800	4.800	6.600	6.600	
(2)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030					84.900	84.900									
(a)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn 2026-2030					84.900	84.900								84.900	84.900

leahng

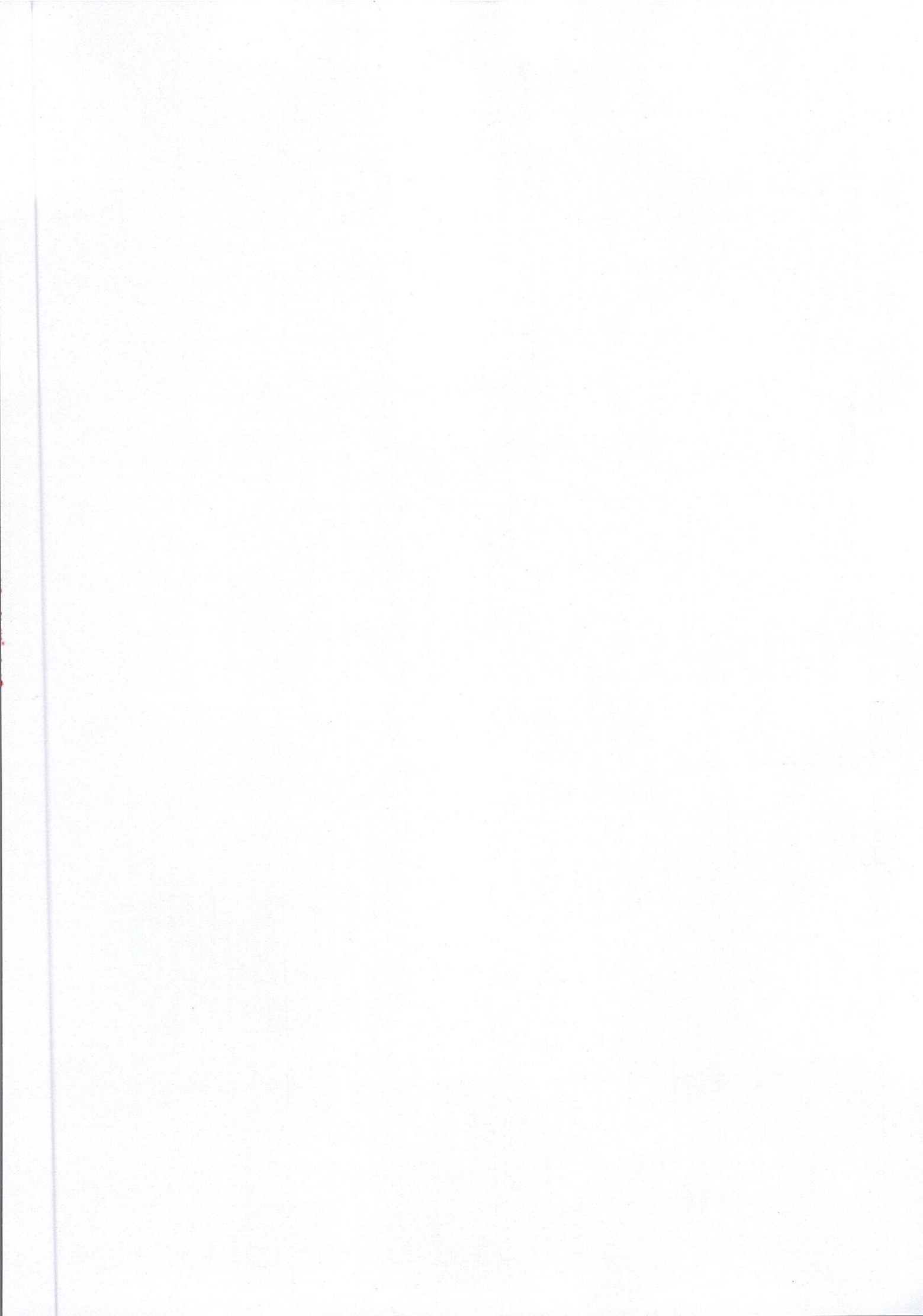
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT (dự kiến)	Dự kiến Tổng mức đầu tư						Giai đoạn 2021 - 2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số		Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP
						Tổng số	Trong đó: NSDP													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17				
1	Trường Mầm non Nậm Loóng	Xã Sùng Phái, TP Lai Châu	nhà lớp học 06 phòng: Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 670m ² diện tích sân khoảng 1.450m ² . Hàng mục nhà hành chính, quán tri: Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 240m ² , diện tích sân khoảng 500m ² và các hạng mục phụ trợ+ thiết bị	2026-2030		27.000	27.000							27.000	27.000					
2	Kênh thoát nước từ đường Bé Văn Đàn nối vào kênh thoát nước Quyết Thắng - Nậm Loóng.	TP Lai Châu	Xây dựng tuyến kênh dẫn chiều dài khoảng L=600m. Kích thước mặt cắt ngang kênh BxH=2,5mx2,5m. Kết cấu kênh BTCT. Xây dựng các công trình trên tuyến Xây dựng 01 công qua đường TL128; 02 công qua đường dân sinh, cửa thu nước.	2026-2030		9.000	9.000							9.000	9.000					
3	Dự án cải tạo hàng động (DA Quốc phòng-An ninh)	TP Lai Châu	Công trình Mặt	2026-2030		25.000	25.000							25.000	25.000					
4	Kê trường Tiểu học Đoàn Kết	Phường Đoàn Kết	chiều dài tuyến kê khoảng L = 260m; Kết cấu thân kê BTCT M250; Mái ta luy kê khung BTCT và trồng cỏ; các hạ tầng phụ trợ; Hoàn trả tuyến đường BT vào bản dài khoảng 360m, rộng mặt Bm=3m, chiều dày H=18cm. Kết cấu BT M200.	2026-2030		5.200	5.200							5.200	5.200					
5	Nhà lớp học bộ môn trường THCS Đông Phong	TP Lai Châu	Hạng mục nhà lớp học bộ môn 8 phòng: Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 627m ² , diện tích sân khoảng 1.160m ² và các thiết bị	2026-2030		9.350	9.350							9.350	9.350					
6	Nhà lớp học bộ môn trường TH&THCS Sùng Phái	TP Lai Châu	Hạng mục nhà lớp học bộ môn 8 phòng: Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 627m ² , diện tích sân khoảng 1.160m ² và các thiết bị	2026-2030		9.350	9.350							9.350	9.350					
II	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT					307.241	307.241	136.033	136.033	93.748	93.748	42.285	42.285	199.907	199.907					
(1)	Nguồn thu sử dụng đất phân bổ sau					50.522	50.522	-	-	-	-	-	-	50.522	50.522					

leahy



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (dự kiến)	Dự kiến Tổng mức đầu tư				Giai đoạn 2021 - 2025				Dự kiến kế hoạch trung hạn giải ngân 2026 - 2030		Ghi chú	
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch trung hạn giải ngân 2021 - 2025 được giao		Lũy kế vốn thuộc kế hoạch trung hạn giải ngân 2021 - 2025 đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn lại thuộc kế hoạch trung hạn giải ngân 2021 - 2025 chưa bố trí		Tổng số		Trong đó: NSDP
						Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
(2)	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2021 - 2025 sang giải ngân 2026-2030															
1	Đường Đình Bộ Lĩnh	P. Đồng Phụng, TP Lai Châu	Giao thông, cấp III, Nhóm C	2017-2026 (đi đc 2026-2030)	1809/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	31.619	31.619	10.033	10.033	93.748	93.748	42.285	42.285	50.285	50.285	
2	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến đường số 17 phường Quyết Thắng	TP Lai Châu	Giao thông, cấp III, Nhóm B	2021-2026 (đi đc 2026-2030)	234/QĐ-UBND ngày 21/3/2022	126.000	126.000	126.000	126.000	90.193	90.193	35.807	35.807	43.807	43.807	Do ước nguồn thu sử dụng đất đoạn 2021-2025 không đảm bảo theo KH
(3)	Dự án khởi công mới giải ngân 2026 - 2030															
(a)	Dự án dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng giải ngân 2026-2030															
1	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường số 1, xã Sùng Phái, thành phố Lai Châu (đoạn nối từ QL4D đến đường 58m)	Xã Sùng Phái, TP Lai Châu	chiều dài khoảng L = 0,14km, Bề rộng nền đường: Bn = 11,5m; Bề rộng mặt đường: Bm = 7,5m; Bề rộng vỉa hè: Bvhh = 2x2m và hạ tầng kèm theo	2025-2030		2.500	2.500							2.500	2.500	
2	Lát vỉa hè một số tuyến đường thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	Lát vỉa hè Terrazzo diện tích khoảng 1.000 m ² ; Thay thế viên bó vỉa hè, rãnh tam giác; hạ thấp thành rãnh thoát nước, hồ ga và thay thế nắp tấm đan, cửa thu nước; bó vỉa hè,...	2026-2030		15.000	15.000							15.000	15.000	
3	Trung tâm văn hóa xã San Thàng	TP Lai Châu	Nhà hội trường Văn hóa đa năng; Nhà cấp III, diện tích xây dựng khoảng S = 1.900m ² . Sân vận động và tổ hợp thể thao theo các bộ môn thi đấu và đào tạo, tập luyện. Các hạng mục phụ trợ và thiết bị	2026-2030		40.000	40.000							40.000	40.000	
4	Trạm Y tế xã Sùng Phái	TP Lai Châu	Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng S _{xd} = 270m ² , diện tích sân khoảng S _{sân} = 528m ² . Các hạng mục phụ trợ và thiết bị	2026-2030		10.000	10.000							10.000	10.000	

leahy



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT (dự kiến)	Dự kiến Tổng mức đầu tư				Giải đoạn 2021 - 2025						Chị chủ	
					TMĐT		Kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021 - 2025 được giao		Lũy kế vốn thuộc kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021 - 2025 đã bố trí đến thời điểm báo cáo		Số vốn còn lại thuộc kế hoạch trung hạn giải đoạn 2021 - 2025 chưa bố trí		Dự kiến kế hoạch trung hạn giải đoạn 2026 - 2030			
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số	Trong đó: NSDDP	Tổng số		Trong đó: NSDDP
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
5	Trường Mầm Non Sùng phái (điểm trung tâm)	TP Lai Châu	Hạng mục nhà lớp học 06 phòng. Nhà cấp III - 02 tầng, diện tích xây dựng khoảng 670m ² , diện tích sân khoảng 1.450m ² . Các hạng mục phụ trợ và thiết bị	2026-2030		11.000	11.000							11.000	11.000	
6	Tuyến đường nối từ Đường Võ Nguyên Giáp đến cánh đồng Lò Pò Chung	TP Lai Châu	Tổng chiều dài tuyến đường khoảng 1,475km. Trong đó đoạn đầu L= 0,475km nối với đường Võ Nguyên Giáp thiết kế theo quy mô đường đô thị, đoạn còn lại khoảng 1km thiết kế theo đường GTNT cấp B và hạ tầng kèm theo	2026-2030		13.000	13.000							13.000	13.000	
7	Nhà văn hóa Tô 18, phường Tân Phong	TP Lai Châu	Nhà cấp IV - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 130m ² , bố trí điện nước đầy đủ	2026-2030		1.350	1.350							1.350	1.350	Có Chi phí bồi thường
8	Nhà văn hoá tổ 27, phường Đông Phong	TP Lai Châu	Nhà cấp IV - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 130m ² , bố trí điện nước đầy đủ	2026-2030		550	550							550	550	
9	Nhà văn hoá tổ 28, phường Đông Phong	TP Lai Châu	Nhà cấp IV - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 130m ² , bố trí điện nước đầy đủ	2026-2030		550	550							550	550	
10	Nhà văn hoá tổ 8, Phường Đoàn Kết	TP Lai Châu	Nhà cấp IV - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 130m ² , bố trí điện nước đầy đủ	2025-2030		800	800							800	800	Có Chi phí bồi thường
11	Nhà văn hoá bán mới, xã San Thàng	TP Lai Châu	Nhà cấp IV - 01 tầng, diện tích xây dựng khoảng 130m ² , bố trí điện nước đầy đủ	2026-2030		850	850							850	850	Có Chi phí bồi thường
12	Nhà văn hóa đa năng phường Đoàn Kết	P. Đoàn Kết, TP Lai Châu	Nhà thể thao đa năng: Nhà cấp III - 1 tầng	2026-2030		3.500	3.500							3.500	3.500	

leahng

DANH MỤC DỰ ÁN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)
(Kèm theo Nghị quyết số: 16/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ					30.100	30.100	30.100	30.100	
I	Nguồn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					16.700	16.700	16.700	16.700	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030					16.700	16.700	16.700	16.700	
*	UBND xã San Thàng					8.500	8.500	8.500	8.500	
1	Dự án: Đường nước sạch bản Lùng Than, xã San Thàng	Bản Lùng Than	Đường ống dẫn nước HDPE dài 5000m, tuyến nhánh 300m.	2026-2030		3.500	3.500	3.500	3.500	
2	Dự án: Nâng cấp các tuyến đường nội đồng trên địa bàn xã San Thàng	Xã San Thàng	chiều dài khoảng 5,06 km; đường cho 03 bản trên địa bàn xã (Đường nội đồng bản Chín Chu Chải, chiều dài khoảng 2,5 km; Đường nội đồng bản Thành Công, chiều dài khoảng 1,68km; Đường nội đồng bản Phan Lin, chiều dài khoảng 0,88km)	2026-2030		5.000	5.000	5.000	5.000	
*	UBND xã Sùng Phái					8.200	8.200	8.200	8.200	
3	Dự án đường giao thông nội đồng Tôm Chom Địa, bản Sùng Phái	Bản Sùng Phái	Đường GTNT C; chiều dài L= 1,5km, Bm= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.200	2.200	2.200	2.200	
4	Dự án đường nội đồng Tôm Pánh bản Sùng Phái (Đoạn từ lán ông Chéo A Cáo đến nương Hoàng Duẩn Vả)	Bản Sùng Phái	Đường GTNT C; chiều dài: L= 1km, Bm= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		1.500	1.500	1.500	1.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch trung hạn giai đoạn 2026 - 2030		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
5	Dự án đường nội đồng Linh Đổ bán Cầu Cầu.	Bán Cầu Cầu	Đường GTNT C; chiều dài L= 0,8km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		1.200	1.200	1.200	1.200	
6	Dự án đường giao thông nội đồng Lá Dí, bán Cầu Nhà La	Bán Cầu Nhà La	Đường GTNT C; chiều dài L= 2km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.900	2.900	2.900	2.900	
7	Dự án đường giao thông nội đồng bán Gia Khẩu 2(Từ nhà Gi A Tỉnh đến lán ông Má A Chư)	Bán Gia Khẩu 2	Đường GTNT C; chiều dài L=0,4km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2026-2030		400	400	400	400	
II	Nguồn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					13.400	13.400	13.400	13.400	
(3)	Dự án khởi công mới giai đoạn 2026 - 2030					13.400	13.400	13.400	13.400	
*	UBND xã Sùng Phai đề xuất									
1	Dự án đường giao thông nội đồng Phin Hồ, bán Sin Chải	Bán Sin Chải	Đường GTNT C; chiều dài L= 2km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.900	2.900	2.900	2.900	
2	Dự án đường giao thông nội đồng Tân Sáo Phin, bán Sin Chải (giai đoạn 2)	Bán Sin Chải	Đường GTNT C; chiều dài L= 1km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM			1.500	1.500	1.500	1.500	
3	Dự án đường giao thông nội đồng Sùng Cấn, bán Sin Chải (giai đoạn 2)	Bán Sin Chải	Đường GTNT C; chiều dài L= 2km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.900	2.900	2.900	2.900	
4	Dự án đường giao thông nội đồng Lùng Cù, bán Tả Chải	Bán Tả Chải	Đường GTNT C; chiều dài L=2km, Bn= 3,5m; Bm=2,5m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.000	2.000	2.000	2.000	
5	Dự án đường nội đồng bán Trung Chải(từ Thào A Dềnh đến ruộng Phàng Thị Số)	Bán Trung Chải	Đường GTNT C; chiều dài L= 0,8km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		1.200	1.200	1.200	1.200	
6	Dự án đường giao thông nội đồng Giảng Sừ Là, bán Suối Thầu	Bán Suối Thầu	Đường GTNT C; chiều dài L= 2km, Bn= 4m; Bm=3m; mặt đường BTXM	2026-2030		2.900	2.900	2.900	2.900	



leahy

